

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
 Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
 Số trẻ: 135
 Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:

Sáng: Bún tôm khô, củ cải, hành tây, húng quế, ngò gai, cải caron
 - Uống sữa Netsure
 Trưa: Com trắng
 - Thịt heo nhồi đậu hũ, nấm mèo, hành, ngò
 - Canh nghêu cà chua, thơm, khèo nèo, đậu bắp
 - Khô qua tây luộc
 Xế : Bánh flan
 Chiều: Súp cá hồi, bắp mỹ, bông cải xanh, nấm đùi gà, bí đỏ, trứng, bột năng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
* CHỢ					
1	N7352	Dầu ăn Tường An 400ml	700	7,850	54,950
2	0494	Đường cát	1,800	3,880	69,840
3	N7353	Nước mắm Nam Ngư 500 ml	1,800	4,950	89,100
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0004	Gạo tẻ máy	7,900	2,560	202,240
6	0120	Hành lá (hành hoa)	400	5,360	21,440
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	150	8,820	13,230
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	150	6,300	9,450
9	0185	Tỏi ta	150	7,560	11,340
10	0653	Bún khô	2,000	5,500	110,000
11	0426	Tôm khô	350	87,560	306,460
12	0103	Củ cải trắng	800	3,150	25,200
13	0121	Hành tây	600	3,680	22,080
14	N0846	Rau é (húng quế trắng)	150	11,130	16,695
15	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,620	9,930
16	0098	Cải xanh	500	4,310	21,550
17	N0770	Thịt nạc dăm	1,700	19,530	332,010
18	N0809	Đậu hũ chiên	4,000	3,166.6	126,664
19	0207	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	100	24,200	24,200
20	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	4,000	7,140	285,600
21	0087	Cà chua	1,700	6,300	107,100
22	0227	Thơm (Dứa tây)	2,800	3,050	85,400
23	0108	Bạc hà (Dọc mùng)	1,400	3,470	48,580

24	N0765	Đậu bắp	1,100	7,350	80,850
25	0167	Rau ôm (ngô)	150	4,200	6,300
26	0384	Cá hồi	1,700	50,930	865,810
27	0138	Mướp Nhật (khô qua Tây)	1,200	5,250	63,000
28	N0896	Bắp Mỹ (hạt tươi)	1,000	3,680	36,800
29	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	700	7,460	52,220
30	0635	Nấm đùi gà	400	11,030	44,120
31	0085	Bí đỏ (bí ngô)	1,100	3,990	43,890
32	0451	Trứng gà công nghiệp	700	7,333.3	51,333
33	0649	Bột năng	1,400	4,950	69,300
34	0587	Bánh flan (Caramen)	4,320	14,750	637,200
35	0457	Sữa bột toàn phần	3,485.11	20,500	714,448
36	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,500	22,050	330,750
Tổng chợ					4,995,000
Tổng tiền thực phẩm					4,995,000
Tổng chi phí khác					0
Tiền được chi trong ngày					4,995,000
Số dư đầu ngày					0
Số dư cuối ngày					0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					959
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					35,483,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng					35,483,000

P.Hiệu trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán

Phuong

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Anh Phương

Ngô Thị Ngọc Lan

